

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 36

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên	
Bà Đinh Thị Khởi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Sơn.

Ông Bùi Hữu Hiền được Ông Lê Văn Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền ngày 4 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61516341/22631183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.772.327.940.732	1.948.258.811.793
110	I. Tiền		85.876.582.977	30.638.797.771
111	1. Tiền	4	85.876.582.977	30.638.797.771
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	10.126.027.397
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	10.126.027.397
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.036.181.248.185	1.151.015.232.804
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	930.554.462.571	1.032.136.612.094
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.932.391.390	50.685.072.337
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	95.678.185.393	69.615.670.875
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(1.983.791.169)	(1.422.122.502)
140	IV. Hàng tồn kho	8	635.636.741.817	736.693.959.059
141	1. Hàng tồn kho		639.551.350.323	738.729.662.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.914.608.506)	(2.035.703.174)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.633.367.753	19.784.794.762
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.920.324.977	2.121.312.550
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	11.693.137.995	17.415.575.687
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	19.904.781	247.906.525
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		247.622.793.109	257.139.423.839
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.662.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.662.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		191.871.429.276	203.163.224.353
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	106.912.160.300	115.528.708.245
222	Nguyên giá		180.677.438.662	179.469.163.249
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.765.278.362)	(63.940.455.004)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	84.959.268.976	87.634.516.108
228	Nguyên giá		96.203.894.993	96.203.894.993
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.244.626.017)	(8.569.378.885)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.479.872.301	1.840.948.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.479.872.301	1.840.948.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	49.580.289.512	49.580.289.512
251	1. Đầu tư vào công ty con		16.587.396.125	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.029.202.020	2.554.961.974
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.029.202.020	2.554.961.974
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.019.950.733.841	2.205.398.235.632

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.810.021.247.601	2.001.219.031.779
310	I. Nợ ngắn hạn		1.759.766.895.601	1.945.337.503.779
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	898.136.851.301	1.092.716.167.185
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	47.594.437.535	35.797.263.412
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.442.747.534	3.703.167.582
314	4. Phải trả người lao động		2.822.589.320	6.682.384.131
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.432.881.845	2.144.787.938
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	34.027.581.372	27.696.377.902
320	7. Vay ngắn hạn	18	771.779.159.745	776.597.355.629
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.530.646.949	-
330	II. Nợ dài hạn		50.254.352.000	55.881.528.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	12.000.000.000	12.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	18	38.254.352.000	43.881.528.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		209.929.486.240	204.179.203.853
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	209.929.486.240	204.179.203.853
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.744.570.446	12.994.288.059
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.494.288.059	7.612.674.055
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.250.282.387	5.381.614.004
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.019.950.733.841	2.205.398.235.632

Ngô Anh Tuấn
Người lập

Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

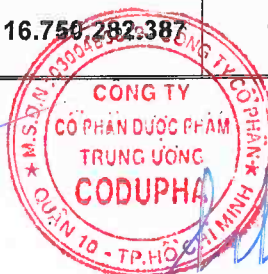
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.462.269.946.294	2.954.789.915.462
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(31.811.695.207)	(18.715.002.658)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.430.458.251.087	2.936.074.912.804
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(2.270.981.976.728)	(2.747.012.162.018)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.476.274.359	189.062.750.786
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	24.348.250.311	18.759.703.029
22	7. Chi phí tài chính	23	(34.436.233.001)	(46.336.217.989)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(34.051.824.907)	(41.808.179.811)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(96.902.295.486)	(100.976.142.284)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(31.930.455.910)	(31.543.831.590)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.555.540.273	28.966.261.952
31	11. Thu nhập khác	24	889.479.147	121.496.186
32	12. Chi phí khác	24	(302.373.794)	(1.087.187.057)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	587.105.353	(965.690.871)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.142.645.626	28.000.571.081
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(4.392.363.239)	(9.872.797.077)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.750.282.387	18.127.774.004

Ngô Anh Tuấn
Người lập

Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.142.645.626	28.000.571.081
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	13.725.649.941	13.920.365.386
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	5, 8	2.440.573.999	(468.142.724)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.324.671.335)	(143.428.934)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(935.661.803)	813.825.312
06	Chi phí lãi vay	23	34.051.824.907	41.808.179.811
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.100.361.335	83.931.369.932
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		114.556.843.322	(227.235.673.733)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		99.178.311.910	(215.810.909.874)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(166.392.630.702)	324.640.482.107
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.273.252.473)	1.573.249.204
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		10.126.027.397	(10.126.027.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.033.618.451)	(42.199.701.793)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.681.664.164)	(7.589.054.986)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.004.440.000)	(5.386.535.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		79.575.938.174	(98.202.801.740)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.072.779.165)	(4.461.781.379)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		414.181.818	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	823.697.383
27	Lãi tiền gửi nhận được		521.479.985	2.293.220.210
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.137.117.362)	(1.344.863.786)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.846.332.685.834	1.740.516.007.005
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(1.856.778.057.718)	(1.665.302.428.183)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(12.742.920.500)	(12.133.329.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(23.188.292.384)	63.080.249.822

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

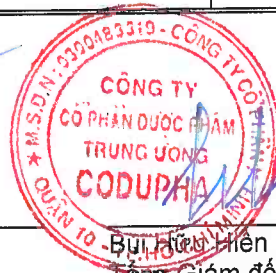
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		55.250.528.428	(36.467.415.704)
60	Tiền đầu năm		30.638.797.771	67.106.213.475
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.743.222)	-
70	Tiền cuối năm	4	85.876.582.977	30.638.797.771



Ngô Anh Tuấn
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 409 (31 tháng 12 năm 2020: 415).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.772.703.398	2.296.203.259
Tiền gửi ngân hàng	83.103.879.579	28.342.594.512
TỔNG CỘNG	85.876.582.977	30.638.797.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	918.145.821.442	1.019.080.400.561
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	12.408.641.129	13.056.211.533
TỔNG CỘNG	930.554.462.571	1.032.136.612.094
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (<i>Thuyết minh số 7</i>)	(1.587.665.606)	(1.422.122.502)
GIÁ TRỊ THUẦN	928.966.796.965	1.030.714.489.592

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.422.122.502	1.422.122.502
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	1.950.571.717	-
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.388.903.050)	-
Số cuối năm	1.983.791.169	1.422.122.502

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	95.678.185.393	69.615.670.875
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	43.075.485.989	14.664.653.210
Ký quỹ, ký cược	23.672.549.272	21.825.412.983
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	14.924.988.535	21.882.272.470
Lãi phạt trả chậm	1.957.722.021	1.199.808.983
Tạm ứng cho nhân viên	1.422.060.782	2.610.490.315
Khác	10.625.378.794	7.433.032.914
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	95.649.699.608	69.185.048.672
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	28.485.785	430.622.203
Dài hạn	1.662.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	1.662.000.000	-
TỔNG CỘNG	97.340.185.393	69.615.670.875

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị		Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.167.423.815	(1.587.665.606)	1.579.758.209	4.608.526.865	(1.422.122.502)	3.186.404.363
Công ty Cổ phần Thiết bị Y Tế Hoàng An	2.908.892.308	(1.454.446.154)	1.454.446.154	2.908.892.308	-	2.908.892.308
Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic	200.000.000	(100.000.000)	100.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Dược Cường Thịnh	-	-	-	484.337.872	(484.337.872)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Kỳ Phương	-	-	-	324.129.424	(324.129.424)	-
Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Sự sống	-	-	-	250.832.638	(250.832.638)	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện phụ sản Vương Tròn	58.531.507	(33.219.452)	25.312.055	152.222.700	(152.222.700)	-
Các khách hàng khác	-	-	-	288.111.923	(210.599.868)	77.512.055
Trả trước cho người bán ngắn hạn	792.251.125	(396.125.563)	396.125.562	792.251.125	-	792.251.125
Công ty Cổ phần Thiết bị Y Tế Hoàng An	792.251.125	(396.125.563)	396.125.562	792.251.125	-	792.251.125
TỔNG CỘNG	3.959.674.940	(1.983.791.169)	1.975.883.771	5.400.777.990	(1.422.122.502)	3.978.655.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	613.967.791.561	696.076.721.910
Hàng mua đang đi đường	25.583.558.762	42.652.940.323
TỔNG CỘNG	639.551.350.323	738.729.662.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.914.608.506)	(2.035.703.174)
GIÁ TRỊ THUẦN	635.636.741.817	736.693.959.059

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.035.703.174	2.503.845.898
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.302.673.043	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(423.767.711)	(468.142.724)
Số cuối năm	3.914.608.506	2.035.703.174

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.920.324.977	2.121.312.550
Công cụ, dụng cụ	1.561.437.050	592.423.662
Chi phí thuê	1.358.887.927	1.528.888.888
Dài hạn	3.029.202.020	2.554.961.974
Chi phí bảo trì	1.835.314.379	166.345.411
Tiền thuê đất trả trước	1.130.408.825	1.183.337.659
Công cụ, dụng cụ	63.478.816	1.205.278.904
TỔNG CỘNG	5.949.526.997	4.676.274.524

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	93.920.976.000	46.414.558.594	35.402.962.019	3.672.859.173	57.807.463	179.469.163.249
Mua mới trong năm	-	821.352.728	-	64.000.000	-	885.352.728
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.548.502.136	-	-	-	-	1.548.502.136
Thanh lý	-	(104.376.250)	(1.121.203.201)	-	-	(1.225.579.451)
Số cuối năm	95.469.478.136	47.131.535.072	34.281.758.818	3.736.859.173	57.807.463	180.677.438.662
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	6.689.193.071	932.558.098	17.198.996.381	2.505.228.152	57.807.463	27.383.783.165
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	19.677.999.183	16.949.029.823	24.187.491.742	3.068.126.793	57.807.463	63.940.455.004
Khấu hao trong năm	4.368.273.808	4.581.679.586	1.970.286.363	130.163.052	-	11.050.402.809
Thanh lý	-	(104.376.250)	(1.121.203.201)	-	-	(1.225.579.451)
Số cuối năm	24.046.272.991	21.426.333.159	25.036.574.904	3.198.289.845	57.807.463	73.765.278.362
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	74.242.976.817	29.465.528.771	11.215.470.277	604.732.380	-	115.528.708.245
Số cuối năm	71.423.205.145	25.705.201.913	9.245.183.914	538.569.328	-	106.912.160.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	93.734.188.819	2.469.706.174	96.203.894.993
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	591.156.174	1.149.833.710
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	7.523.064.384	1.046.314.501	8.569.378.885
Hao mòn trong năm	2.484.454.632	190.792.500	2.675.247.132
Số cuối năm	10.007.519.016	1.237.107.001	11.244.626.017
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	86.211.124.435	1.423.391.673	87.634.516.108
Số cuối năm	83.726.669.803	1.232.599.173	84.959.268.976

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp một phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với giá trị còn lại là 20.193.648.822 VND để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	1.039.850.000	1.039.850.000
Hệ thống điều hòa không khí và phòng cháy chữa cháy	129.022.300	-
Sửa chữa kho	111.000.001	-
Cải tạo hệ thống kho lạnh	-	699.121.000
Khác	200.000.000	101.977.000
TỔNG CỘNG	1.479.872.301	1.840.948.000

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 13.1</i>)	16.587.396.125	16.587.396.125
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 13.3</i>)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	49.580.289.512	49.580.289.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào	Sản xuất và phân phối thuốc	93,7	<u>16.587.396.125</u>	93,7	<u>16.587.396.125</u>

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30	<u>3.520.408.664</u>	30	<u>3.520.408.664</u>

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	22.983.000.000	3,82	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	17,20	472.484.723	17,20	472.484.723
TỔNG CỘNG			<u>29.472.484.723</u>		<u>29.472.484.723</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	898.136.851.301	1.092.716.167.185
Phải trả các bên khác	892.896.007.611	1.055.111.134.135
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam</i>	336.065.548.312	372.285.915.267
<i>Khác</i>	556.830.459.299	682.825.218.868
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	5.240.843.690	37.605.033.050
Dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thế giới mới	12.000.000.000	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	910.136.851.301	1.104.716.167.185

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec	9.949.275.756	-
Sở Y tế Tỉnh An Giang	7.000.000.000	-
Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Long An	6.424.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	6.130.624.706	2.432.291.872
Sở Y tế Tỉnh Bình Thuận	5.009.282.213	-
Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Linh Trang	4.034.004.280	-
Bệnh Viện Sản Nhi An Giang	-	18.694.720.772
Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Dương	-	7.670.883.386
Khác	9.047.250.580	6.999.367.382
TỔNG CỘNG	47.594.437.535	35.797.263.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.415.575.687	128.279.051.738	(134.001.489.430)	11.693.137.995
Thuế xuất, nhập khẩu	247.906.525	2.774.356.138	(3.002.357.882)	19.904.781
TỔNG CỘNG	17.663.482.212	131.053.407.876	(137.003.847.312)	11.713.042.776
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.660.985.136	4.392.363.239	(6.681.664.164)	1.371.684.211
Thuế thu nhập cá nhân	42.182.446	755.160.067	(726.279.190)	71.063.323
TỔNG CỘNG	3.703.167.582	5.147.523.306	(7.407.943.354)	1.442.747.534

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay	1.321.695.896	1.303.489.440	
Khác	111.185.949	841.298.498	
TỔNG CỘNG	1.432.881.845	2.144.787.938	

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Thư tín dụng phải trả	30.380.374.006	8.479.898.061	
Nhận ký quỹ, ký cược	2.197.628.390	3.911.367.670	
Nhận ủy thác nhập khẩu	103.212.550	307.326.828	
Cổ tức phải trả	30.463.976	12.773.384.476	
Hỗ trợ tiền thuê nhà	-	1.293.750.000	
Khác	1.315.902.450	930.650.867	
TỔNG CỘNG	34.027.581.372	27.696.377.902	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	11.528.615.000	
<i>Phải trả bên khác</i>	34.027.581.372	16.167.762.902	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	776.597.355.629	1.846.332.685.834	(1.855.778.057.718)	4.627.176.000	771.779.159.745
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	766.442.645.549	1.846.245.678.341	(1.845.789.583.151)	-	766.898.740.739
Vay cá nhân	327.534.080	87.007.493	(161.298.567)	-	253.243.006
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2 và 18.3)	9.827.176.000	-	(9.827.176.000)	4.627.176.000	4.627.176.000
Vay dài hạn	43.881.528.000	-	(1.000.000.000)	(4.627.176.000)	38.254.352.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	14.881.528.000	-	(1.000.000.000)	(4.627.176.000)	9.254.352.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.3)	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	820.478.883.629	1.846.332.685.834	(1.856.778.057.718)	-	810.033.511.745

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5 và 8)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	285.144.446.525	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Từ 4,5 đến 4,6	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	241.988.245.473	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Từ 4,5 đến 5,2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty từ quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh 1	18.855.824.336	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022	Từ 4,5 đến 4,7	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	199.915.583.803	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2022 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022	Từ 3,5 đến 4,85	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty từ quản lý với giá trị tối thiểu và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 250.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	12.996.188.882	Từ ngày 20 tháng 3 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	4,5	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 - Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	7.998.451.720	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	4,5	
TỔNG CỘNG	766.898.740.739			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho và thanh toán quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Cần Thơ. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	%/ năm		(Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	13.881.528.000	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2022 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	10	60% Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	4.627.176.000			
Vay dài hạn	9.254.352.000			

18.3 Vay dài hạn khác

Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương. Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	%/ năm		(Thuyết minh số 13.2)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2027	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	-			
Vay dài hạn	29.000.000.000			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	16.754.434.055	207.939.349.849
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	18.127.774.004	18.127.774.004
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	12.994.288.059	204.179.203.853
Năm nay					
Số đầu năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	12.994.288.059	204.179.203.853
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	16.750.282.387	16.750.282.387
Số cuối năm	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	18.744.570.446	209.929.486.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	16.387.920.000
Cổ tức đã trả	12.742.920.500	12.133.329.000

19.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm	Cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	42.269.500.000	23	42.269.500.000	23
Các cổ đông khác	19.205.500.000	11	19.205.500.000	11
TỔNG CỘNG	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	2.462.269.946.294	2.954.789.915.462
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.425.873.532.666	2.919.066.722.505
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	36.396.413.628	35.723.192.957
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(31.811.695.207)	(18.715.002.658)
DOANH THU THUẦN	<u>2.430.458.251.087</u>	<u>2.936.074.912.804</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.394.061.837.459	2.900.351.719.847
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	36.396.413.628	35.723.192.957
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán cho bên khác</i>	2.421.507.268.652	2.879.667.732.578
<i>Doanh thu bán cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	8.950.982.435	56.407.180.226

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	12.116.930.361	8.504.488.069
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.432.834.404	2.527.959.559
Chiết khấu thanh toán được hưởng	2.277.005.561	5.434.035.191
Lãi tiền gửi	521.479.985	2.269.757.010
Cổ tức được chia	-	23.463.200
TỔNG CỘNG	<u>24.348.250.311</u>	<u>18.759.703.029</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.268.110.989.039	2.744.868.770.338
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.870.987.689	2.143.391.680
TỔNG CỘNG	<u>2.270.981.976.728</u>	<u>2.747.012.162.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	96.902.295.486	100.976.142.284
Chi phí lương nhân viên bán hàng	51.867.329.769	56.529.157.576
Chi phí khấu hao	12.323.335.191	12.561.920.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.778.241.199	13.154.270.761
Chi phí vật liệu, bao bì	3.861.673.937	4.188.410.401
Chi phí khác	17.071.715.390	14.542.382.558
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.930.455.910	31.543.831.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.266.322.094	16.242.186.604
Chi phí nhân viên	3.525.176.281	4.640.000.000
Chi phí khác	11.138.957.535	10.661.644.986
TỔNG CỘNG	<u>128.832.751.396</u>	<u>132.519.973.874</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	34.051.824.907	41.808.179.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	348.227.272	1.420.992.656
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	36.180.822	3.107.045.522
TỔNG CỘNG	<u>34.436.233.001</u>	<u>46.336.217.989</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	889.479.147	121.496.186
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	414.181.818	-
Khác	475.297.329	121.496.186
Chi phí khác	(302.373.794)	(1.087.187.057)
Các khoản phạt	(97.401.466)	(918.187.057)
Khác	(204.972.328)	(169.000.000)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>587.105.353</u>	<u>(965.690.871)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	2.268.110.989.039	2.744.868.770.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.392.506.050	61.169.157.576
Chi phí nhân viên	31.915.550.982	31.539.849.045
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	13.725.649.941	13.920.365.386
Chi phí khác	30.670.032.112	28.033.993.547
TỔNG CỘNG	<u>2.399.814.728.124</u>	<u>2.879.532.135.892</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.392.363.239	7.583.074.429
Thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	2.289.722.648
TỔNG CỘNG	<u>4.392.363.239</u>	<u>9.872.797.077</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>21.142.645.626</u>	<u>28.000.571.081</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.228.529.125	5.600.114.216
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	163.834.114	1.987.652.853
Thu nhập cổ tức	-	(4.692.640)
Thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	2.289.722.648
Chi phí thuế TNDN	<u>4.392.363.239</u>	<u>9.872.797.077</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	8.485.750.000	2.424.500.000	
		Cho thuê kho	871.354.307	284.857.848	
		Cổ tức công bố	-	10.910.250.000	
		Bán hàng hóa	-	74.122.571	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đồng lớn	Bán hàng hóa	8.079.628.128	52.230.592.328	
		Cổ tức đã trả	2.958.865.000	845.390.000	
		Mua hàng hóa	644.989.938	725.911.360	
		Cổ tức công bố	-	3.804.255.000	
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	792.828.752	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	463.010.253	2.034.663.843	
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	131.867.746.053	
		Cho thuê văn phòng	-	338.640.085	
		Cung cấp dịch vụ	-	311.348.177	
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	-	3.167.619.217	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	12.408.641.129	12.898.393.456
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	157.818.077
			12.408.641.129	13.056.211.533
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cho thuê kho	28.485.785	313.343.633
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Cho thuê kho	-	85.180.500
			-	32.098.070
TỔNG CỘNG			28.485.785	430.622.203
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.775.681.174	37.397.222.227
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	154.078.848	117.268.767
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	311.083.668	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	-	90.542.056
TỔNG CỘNG			5.240.843.690	37.605.033.050
Phải trả khác ngắn hạn				
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	8.485.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	2.958.865.000
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Nhận đặt cọc cho thuê	-	84.000.000
			-	-
TỔNG CỘNG			-	11.528.615.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	<i>Thu nhập</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ban Tổng Giám đốc	2.400.922.728	1.268.807.500
Hội đồng Quản trị	1.426.800.000	2.654.944.500
Ban Kiểm soát	548.800.000	548.118.000
TỔNG CỘNG	<u>4.376.522.728</u>	<u>4.471.870.000</u>

28. CÁC CAM KẾT

28.1 Cam kết thuê hoạt động

Bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	36.988.560.000	9.674.420.000
Từ 1 đến 5 năm	71.761.320.000	9.144.260.000
TỔNG CỘNG	<u>108.749.880.000</u>	<u>18.818.680.000</u>

Bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	<u>391.691.976</u>	<u>224.000.000</u>

28.2 Bảo lãnh

Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào – Công ty con của Công ty với số tiền tối đa là 37.074.103.533 VND (31 tháng 12 năm 2020: 51.616.983.925 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	11.717	2.529
Euro (EUR)	1.252	890





30. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

 Ngô Anh Tuấn
 Người lập

 Ngô Thị Bích Thảo
 Kế toán trưởng

 Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

